

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 367/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2026

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hương.

Ông Hoàng Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 279/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Hà Công K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn L (cũ là thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L (cũ là thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số E Ấp B, xã Đ, thành phố Đ.

(Anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi tố khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Hà Công K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng G qua tự nguyện tìm hiểu đã tự nguyện ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống và làm ăn tại tỉnh Bình Dương đến năm 2024 thì về sinh sống tại thôn L (cũ là Thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025, chị G đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, trong thời gian đi làm xa chị

G đã có quan hệ với đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị G sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G.

Về con chung: Anh và chị G có 03 người con chung tên là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung và anh yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho ba con chung, đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Công K qua tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tỉnh Bình Dương đến năm 2024 về sinh sống tại thôn L (cũ là Thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025 chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, trong thời gian đi làm xa, do không tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không còn. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị nhất trí ly hôn với anh Hà Công K.

Về con chung: Chị và anh K có 03 người con chung tên là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021. Nay ly hôn chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/3 con chung, cụ thể là chị cấp dưỡng con chung là Hà Công Phương B, Hà Công Phương N mỗi cháu là 2.000.000 đồng/cháu/tháng và Hà Thị Minh T là 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, cấp dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108,

110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và đình; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Công K, cho anh Hà Công K được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G.

Về con chung: Giao con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021 cho anh Hà Công K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con chung là Hà Công Phương B, Hà Công Phương N mỗi cháu là 2.000.000 đồng/cháu/tháng và Hà Thị Minh T là 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho anh Hà Công K; chị Nguyễn Thị Hồng G không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hà Công K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1985, nơi cư trú thôn L (cũ là thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Công K, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng G đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2019 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang), do vậy quan

hệ hôn nhân của anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G là hợp pháp. Anh K và chị G đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Chị G nhất trí ly hôn với anh K. Kết quả xác minh xác định thực tế chị G đã không về chung sống với anh K, giữa anh K và chị G không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa anh K và chị G không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Công K, cho anh K được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G.

[2.2] Về con chung: Anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G có 03 người con chung tên là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021. Hiện nay cả ba con chung đang do anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi ba con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Chị G nhất trí để anh K là người nuôi dưỡng cả ba con chung và chị nhất trí cấp dưỡng nuôi ba người con là 5.000.000 đồng, cụ thể là chị cấp dưỡng con chung là Hà Công Phương B, Hà Công Phương N là 4.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng) và Hà Thị Minh T là 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, cấp dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi chị G đi làm ăn xa các con chung đều do anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay chị G không có mặt tại địa phương, do vậy cần giao con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021 cho anh Hà Công K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, cụ thể: Cấp dưỡng con chung là Hà Công Phương B, Hà Công Phương N là 4.000.000 đồng/tháng/02 con (mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng) và Hà Thị Minh T là 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hà Công K và chị Nguyễn Thị Hồng G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Hà Công K là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí, anh K có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho anh Hà Công K.

Chị Nguyễn Thị Hồng G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Hà Công K.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Hà Công K được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G (*Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 26/4/2019 của UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 25/11/2019, Hà Công Phương N, sinh ngày 30/10/2021 và Hà Công Phương B, sinh ngày 30/10/2021 cho anh Hà Công K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, cụ thể: Cấp dưỡng con chung là Hà Công Phương B, Hà Công Phương N là 4.000.000 đồng/tháng/02 con (mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng) và Hà Thị Minh T là 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Công K.

Chị Nguyễn Thị Hồng G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Hòa An, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ